

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI
Số: 01/2018/TT-BGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 3 tháng 1 năm 2018

THÔNG TƯ

Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Trên cơ sở ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại công văn số 6557/UBND-XD2 ngày 31 tháng 8 năm 2017 và Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng tại công văn số 5313/UBND-GT3 ngày 24 tháng 8 năm 2017;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh.

Điều 1. Công bố vùng nước cảng biển và khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh

Vùng nước Cảng biển Quảng Ninh thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh bao gồm các vùng nước sau:

- Vùng nước Cảng biển Quảng Ninh tại khu vực Vạn Gia - Hải Hà.
- Vùng nước Cảng biển Quảng Ninh tại khu vực Mũi Chùa.

3. Vùng nước Cảng biển Quảng Ninh tại khu vực Cô Tô.
4. Vùng nước Cảng biển Quảng Ninh tại khu vực Cẩm Phả - Cửa Đồi.
5. Vùng nước Cảng biển Quảng Ninh tại khu vực Hòn Gai.
6. Vùng nước Cảng biển Quảng Ninh tại khu vực Quảng Yên.

Điều 2. Phạm vi vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh

Phạm vi vùng nước Cảng biển Quảng Ninh thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh được xác định tại mực nước thủy triều lớn nhất, được quy định cụ thể như sau:

1. Phạm vi vùng nước Cảng biển Quảng Ninh tại khu vực Vạn Gia - Hải Hà được xác định như sau:

a) Từ điểm VH1 có tọa độ: $21^{\circ}24'40,0''N$, $108^{\circ}01'10,0''E$ nối bằng các đoạn thẳng lần lượt tới các điểm theo thứ tự từ VH2 đến VH4 có tọa độ như sau:

VH2: $21^{\circ}22'20,0''N$, $108^{\circ}01'10,0''E$;

VH3: $21^{\circ}22'20,0''N$, $108^{\circ}00'13,3''E$;

VH4: $21^{\circ}23'51,0''N$, $108^{\circ}00'13,3''E$.

b) Từ điểm VH4 chạy dọc theo bờ phía Bắc đảo Vĩnh Thực tới điểm VH5 có tọa độ: $21^{\circ}21'55,2''N$, $107^{\circ}49'31,6''E$, từ điểm VH5 tiếp tục nối bằng các đoạn thẳng lần lượt tới các điểm theo thứ tự từ VH6 đến VH13 có tọa độ như sau:

VH6: $21^{\circ}20'27,4''N$, $107^{\circ}50'34,0''E$;

VH7: $21^{\circ}14'10,5''N$, $107^{\circ}56'46,0''E$;

VH8: $21^{\circ}11'31,4''N$, $108^{\circ}00'30,8''E$;

VH9: $21^{\circ}10'02,9''N$, $107^{\circ}51'58,7''E$;

VH10: $21^{\circ}08'24,5''N$, $107^{\circ}47'54,6''E$;

VH11: $21^{\circ}17'48,0''N$, $107^{\circ}47'34,0''E$;

VH12: $21^{\circ}18'59,6''N$, $107^{\circ}48'42,5''E$;

VH13: $21^{\circ}21'13,4''N$, $107^{\circ}49'16,8''E$.

c) Từ điểm VH13 chạy dọc theo bờ phía Bắc đảo Cái Chiên tới điểm VH14 có tọa độ: $21^{\circ}18'53,0''N$, $107^{\circ}43'27,0''E$, từ điểm VH14 tiếp tục nối bằng các đoạn thẳng lần lượt tới các điểm theo thứ tự từ VH15 đến VH16 có tọa độ như sau:

VH15: $21^{\circ}20'50,4''N$, $107^{\circ}43'23,0''E$;

VH16: 21°21'47,6"N, 107°44'36,5"E.

d) Từ điểm VH16 chạy dọc bờ phía Nam đảo Miều tới điểm VH17 có tọa độ: 21°22'23,3"N, 107°45'17,5"E, từ điểm VH17 tiếp tục nối bằng các đoạn thẳng lần lượt tới các điểm theo thứ tự từ VH18 đến VH21 có tọa độ như sau:

VH18: 21°23'03,8"N, 107°45'51,4"E;

VH19: 21°24'45,7"N, 107°49'52,0"E;

VH20: 21°23'09,6"N, 107°50'41,2"E;

VH21: 21°24'03,6"N, 107°54'41,2"E.

đ) Từ điểm VH21 nối bằng đoạn thẳng tới điểm VH1.

2. Phạm vi vùng nước Cảng biển Quảng Ninh tại khu vực Mũi Chùa được xác định như sau:

a) Từ điểm MC1 có tọa độ: 21°17'11,3"N, 107°27'05,0"E nối bằng các đoạn thẳng lần lượt tới các điểm theo thứ tự từ MC2 đến MC4 có tọa độ như sau:

MC2: 21°17'12,6"N, 107°27'08,6"E;

MC3: 21°17'04,9"N, 107°27'18,6"E;

MC4: 21°16'47,6"N, 107°27'04,2"E;

MC5: 21°16'58,5"N, 107°26'52,6"E.

b) Từ điểm MC5 chạy dọc theo bờ sông Tiên Yên và mép bến Cảng Mũi Chùa tới điểm MC1.

3. Phạm vi vùng nước Cảng biển Quảng Ninh tại khu vực Cô Tô được xác định như sau:

a) Từ điểm CT1 có tọa độ: 20°58'14,3"N, 107°45'40,8"E chạy dọc theo bờ phía Tây đảo Cô Tô tới điểm CT2 có tọa độ: 20°57'59,8"N, 107°45'34,7"E, từ điểm CT2 tiếp tục nối bằng các đoạn thẳng lần lượt tới các điểm theo thứ tự từ CT3 đến CT4 có tọa độ như sau:

CT3: 20°58'06,6"N, 107°45'11,2"E;

CT4: 20°58'21,6"N, 107°45'17,2"E.

b) Từ điểm CT4 nối bằng đoạn thẳng tới điểm CT1.

4. Phạm vi vùng nước Cảng biển Quảng Ninh tại khu vực Cẩm Phả - Cửa Đồi được xác định như sau:

a) Phạm vi vùng nước tại khu vực Cẩm Phả:

Từ điểm CP1 có tọa độ: 21°02'04,5"N, 107°22'16,5"E nối bằng các đoạn thẳng lần lượt tới các điểm theo thứ tự từ CP2 đến CP5 có tọa độ như sau:

CP2: 21°01'44,7"N, 107°22'39,3"E;

CP3: 21°00'18,5"N, 107°22'38,8"E;

CP4: 20°59'01,0"N, 107°23'03,2"E;

CP5: 20°58'02,5"N, 107°23'06,2"E.

Từ điểm CP5 chạy dọc theo bờ phía Bắc, Tây và Nam đảo Thề Vàng tới điểm CP6 có tọa độ: 20°56'37,1"N, 107°22'26,7"E, tiếp tục nối bằng đoạn thẳng tới điểm CP7 có tọa độ: 20°55'07,2"N, 107°23'53,2"E.

Từ điểm CP7 chạy dọc theo bờ phía Tây Bắc đảo Đống Chén tới điểm CP8 có tọa độ: 20°54'23,3"N, 107°20'33,2"E, từ điểm CP8 tiếp tục nối bằng các đoạn thẳng lần lượt tới các điểm theo thứ tự từ CP9 đến CP10 có tọa độ như sau:

CP9: 20°54'21,6"N, 107°20'13,2"E;

CP10: 20°53'47,6"N, 107°19'44,7"E.

Từ điểm CP10 chạy dọc theo bờ phía Tây đảo Vạn Cảnh tới điểm CP11 có tọa độ: 20°52'35,6"N, 107°19'42,3"E, từ điểm CP11 tiếp tục nối bằng đoạn thẳng tới điểm CP12 có tọa độ: 20°51'15,6"N, 107°19'55,6"E.

Từ điểm CP12 chạy dọc theo bờ phía Tây đảo Ngọc Vũng tới điểm CP13 có tọa độ: 20°48'18,6"N, 107°20'31,1"E, từ điểm CP13 tiếp tục nối bằng các đoạn thẳng lần lượt tới các điểm theo thứ tự từ CP14 đến CP23 có tọa độ như sau:

CP14: 20°45'03,6"N, 107°15'23,2"E;

CP15: 20°42'37,6"N, 107°15'23,2"E;

CP16: 20°42'37,6"N, 107°11'29,2"E;

CP17: 20°44'27,6"N, 107°11'29,2"E;

CP18: 20°48'37,9"N, 107°16'19,0"E;

CP19: 20°49'11,1"N, 107°16'08,7"E;

CP20: 20°52'14,2"N, 107°15'05,5"E;

CP21: 20°57'06,6"N, 107°15'13,2"E;

CP22: 20°58'59,6"N, 107°14'36,7"E;

CP23: 20°59'04,6"N, 107°14'34,7"E.

Từ điểm CP23 chạy dọc theo mép bờ tới điểm CP24 có tọa độ: 20°59'16,4"N, 107°14'22,0"E, từ điểm CP24 tiếp tục nối bằng các đoạn thẳng lần lượt tới các điểm theo thứ tự từ CP25 đến CP26 có tọa độ như sau:

CP25: 20°59'22,6"N, 107°14'35,2"E;

CP26: 20°59'13,3"N, 107°14'41,4"E.

Từ điểm CP26 chạy dọc theo bờ phía Nam Hòn Cửa Vọng tới điểm CP27 có tọa độ: 20°58'57,4"N, 107°15'16,5"E, từ điểm CP27 tiếp tục nối bằng các đoạn thẳng lần lượt tới các điểm theo thứ tự từ CP28 đến CP30 có tọa độ như sau:

CP28: 20°59'35,6"N, 107°15'46,2"E;

CP29: 20°58'43,4"N, 107°16'37,5"E;

CP30: 20°58'31,4"N, 107°16'49,2"E.

Từ điểm CP30 chạy dọc theo bờ phía Nam Hòn Ót tới điểm CP31 có tọa độ: 20°58'36,6"N, 107°17'07,1"E, từ điểm CP31 tiếp tục nối bằng các đoạn thẳng lần lượt tới các điểm theo thứ tự từ CP32 đến CP38 có tọa độ như sau:

CP32: 20°58'56,6"N, 107°18'27,5"E;

CP33: 20°58'49,1"N, 107°19'03,4"E;

CP34: 20°59'00,6"N, 107°20'41,9"E;

CP35: 20°59'19,0"N, 107°21'30,6"E;

CP36: 20°59'25,9"N, 107°21'35,6"E;

CP37: 20°59'59,9"N, 107°21'58,5"E;

CP38: 21°00'56,9"N, 107°21'59,8"E.

Từ điểm CP38 chạy dọc theo bờ phía Đông phường Cửa Ông tới điểm CP39 có tọa độ: 21°01'57,6"N, 107°22'06,1"E, nối tiếp tới điểm CP1.

b) Phạm vi vùng nước khu vực Cửa Đồi: